

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Tel: 056 3522166 Fax: 056 3522316

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Cho năm tài chính 2010

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83

Hà Nội, tháng 03 năm 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo của kiểm toán viên độc lập	05 - 06
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	10
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	11 - 26
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	27
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 gọi tắt là "Công ty" đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2010.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|----------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Chủ tịch |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Ủy viên |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Ủy viên |
| • Ông Lê Văn Đồng | Ủy viên |
| • Ông Phạm Văn Nho | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Tổng Giám đốc |
| • Ông Vũ Xuân Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Văn Đồng | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Đức Thái | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 09 vào ngày 02/08/2010 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.



Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đ (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu; Đại tu xe, máy thi công. Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet. Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Dịch vụ quảng cáo. Đại lý vé máy bay, tàu hỏa. Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Cho thuê xe ô tô. Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa và xử lý nền móng công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đến thời điểm 31/12/2010, cơ cấu Công ty gồm có 01 Công ty con :

Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ có địa chỉ tại: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 73,83%.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 28.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính :

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;

1009
"NG"
"SBS"
M TO
"E TI"
A 261
"M"
"M"

- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính ;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Quy định hiện hành về kế toán của Việt Nam;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN LƯƠNG AM

Tổng Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Số: 226 /CPAHanoi-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
cho năm tài chính 2010

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (gọi tắt là "Công ty") lập tại ngày 31/12/2010, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính .

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 cho năm tài chính đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định về kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Xây dựng 47 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

HÀ NỘI (CPAHANOI)

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Phấn

Chung chỉ Kiểm toán viên

Số: 0928/KTV



Trần Thị Kim Thoa

Chung chỉ Kiểm toán viên

Số: 1303/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		834.227.554.124	576.022.588.595
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.023.354.873	75.388.778.029
1	Tiền	111	V.1	31.023.354.873	75.388.778.029
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	449.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	449.000.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		655.025.461.410	253.930.141.053
1	Phải thu khách hàng	131	V.3	607.769.831.813	174.456.183.303
2	Trả trước cho người bán	132	V.4	41.594.033.358	78.094.455.905
3	Các khoản phải thu khác	138	V.5	5.661.596.239	1.379.501.845
IV	Hàng tồn kho	140		144.541.585.695	241.294.455.601
1	Hàng tồn kho	141	V.6	144.541.585.695	241.294.455.601
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.637.152.146	4.960.213.912
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	151.346.431	102.469.198
2	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3.485.805.715	4.857.744.714
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		397.933.538.466	341.256.856.376
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		377.678.846.466	316.998.066.250
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	366.417.058.762	308.678.532.150
	- Nguyên giá	222		576.357.135.705	459.817.183.514
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(209.940.076.943)	(151.138.651.364)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	249.432.130	438.411.221
	- Nguyên giá	228		566.937.273	566.937.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(317.505.143)	(128.526.052)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	11.012.355.574	7.881.122.879
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.010.000.000	19.010.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.12	5.330.000.000	5.330.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	13.680.000.000	13.680.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		1.244.692.000	5.248.790.126
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	3.955.268.835
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.244.692.000	1.293.521.291
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.232.161.092.590	917.279.444.971

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2010

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1.086.269.060.147	832.925.870.596
I	Nợ ngắn hạn	310		777.104.198.793	522.387.772.161
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	475.388.315.801	216.968.154.563
2	Phải trả người bán	312	V.17	182.994.997.980	194.479.909.739
3	Người mua trả tiền trước	313	V.18	24.683.998.974	50.904.460.750
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	20.544.982.701	15.407.724.431
5	Phải trả công nhân viên	315		37.988.791.503	21.325.495.591
6	Chi phí phải trả	316	V.20	22.939.914.674	10.268.887.195
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	11.755.995.381	12.002.855.402
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		807.201.779	1.030.284.490
II	Nợ dài hạn	330		309.164.861.354	310.538.098.435
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	305.458.499.971	307.905.115.606
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.706.361.383	2.632.982.829
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	V.23	145.892.032.443	84.353.574.375
I	Vốn chủ sở hữu	410		145.892.032.443	84.353.574.375
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	39.750.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		23.467.650.000	9.897.900.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.449.146.977	10.449.146.977
4	Quỹ đầu tư phát triển	417		12.022.441.693	5.868.299.085
5	Quỹ dự phòng tài chính	418		3.952.793.773	2.496.545.980
6	Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.000.000.000	15.891.682.333
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		1.232.161.092.590	917.279.444.971

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ - TSCĐ không dùng trả lại NN - Vật tư không dùng trả lại NN	002		-	773.361.813 300.071.864 473.289.949
2	Nợ khó đòi đã xử lý - Công ty Xây dựng Thủy lợi 1	004		-	589.274.237 589.274.237
3	Ngoại tệ các loại (USD)	005		13.954.78	2.467.72

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Tài liệu kèm theo



Phạm Lương Am

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.24	1.575.343.454.326	806.078.772.649
2	Các khoản giảm trừ	3	V.25	42.132.170	78.461.537
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.26	1.575.301.322.156	806.000.311.112
4	Giá vốn hàng bán	11		1.436.186.987.040	729.738.221.415
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.114.335.116	76.262.089.697
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.27	4.924.834.691	3.805.399.693
7	Chi phí tài chính	22	V.28	75.995.427.761	27.379.155.309
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.995.427.761	27.374.282.309
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.29	31.138.407.916	26.066.341.425
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.905.334.130	26.621.992.656
11	Thu nhập khác	31	V.30	1.195.362.524	671.002.386
12	Chi phí khác	32	V.31	345.492.015	-
13	Lợi nhuận khác	40		849.870.509	671.002.386
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.755.204.639	27.292.995.042
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.613.801.163	3.022.650.968
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.141.403.476	24.270.344.074
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.867	6.294

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lương An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.183.932.003.689	739.237.430.548
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(1.149.018.653.496)	(671.613.840.201)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(168.340.704.088)	(111.286.426.404)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(75.916.262.676)	(27.374.282.309)
5	Tiền chi nộp thuế	5	(5.647.650.965)	(642.469.956)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.719.011.555	7.376.324.983
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(771.908.000)	(899.248.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(214.044.163.981)	(65.202.511.339)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(115.977.341.137)	(92.125.577.233)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	449.000.000	91.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.549.000.000
7	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.924.834.691	3.716.563.839
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(110.603.506.446)	(85.769.013.394)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	54.512.500.000	4.750.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp do phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	983.624.551.340	713.912.301.945
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(737.910.635.973)	(526.976.124.093)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.950.000.000)	(4.423.900.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	280.276.415.367	187.262.277.852
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(44.371.255.060)	36.290.753.119
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	75.388.778.029	39.095.581.340
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.831.904	2.443.570
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31.023.354.873	75.388.778.029

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 09 vào ngày 02/08/2010 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đ (Tám mươi tỷ đồng chẵn)**.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu; Đại tu xe, máy thi công. Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet. Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Dịch vụ quảng cáo. Đại lý vé máy bay, tàu hỏa. Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Cho thuê xe ô tô. Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa và xử lý nền móng công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

Đến thời điểm 31/12/2010, cơ cấu Công ty gồm có 01 Công ty con :

Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ có địa chỉ tại: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 73,83%.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn kèm theo phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, như:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư dài hạn là các khoản góp vốn liên doanh: Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí

tương ứng với phần chênh lệch. Đối với quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, Công ty thực hiện trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

9. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hối tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hối tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp các công trình, doanh thu bán vật tư, doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức.

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán cầu từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

009
NG T
TH P
M T O
N O
T A I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

1. Tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.931.075.408	1.826.572.932
Tiền Việt Nam	3.931.075.408	1.826.572.932
Ngoại tệ (USD)	-	-
Tiền gửi ngân hàng	27.092.279.465	73.562.205.097
<i>Tiền Việt Nam</i>	<i>26.820.072.810</i>	<i>73.516.700.444</i>
Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	17.401.738.381	73.407.963.275
Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	86.779.429	108.737.169
Ngân hàng TMCP Công thương	9.331.555.000	-
<i>Ngoại tệ (USD)</i>	<i>272.206.655</i>	<i>45.504.653</i>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (13.954,78 USD)	272.206.655	45.306.373
Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	-	198.280
Cộng	31.023.354.873	75.388.778.029
2. Đầu tư ngắn hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu Chính phủ	-	449.000.000
Cộng	-	449.000.000
3. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Văn phòng công ty	606.142.647.729	173.312.337.908
Khách sạn Hải Âu	1.008.717.884	889.395.895
Công trường Bình Đề	618.466.200	254.449.500
Cộng	607.769.831.813	174.456.183.303
4. Trả trước cho người bán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Văn phòng công ty	41.594.033.358	77.891.946.749
Xây dựng Khách sạn Hải Âu	-	202.509.156
Cộng	41.594.033.358	78.094.455.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Văn phòng công ty	1.681.310.474	328.870.093
Công trường Sêrêpôk 4	527.584.446	355.906.191
Công trường A Lưới	425.748.000	-
Công trường Phước Hòa	340.000.493	233.036.301
Công trường Đống Nai 4	1.055.791.433	-
Công trường Cây Ké	268.552.340	-
Xây dựng Khách sạn Hải Âu	-	12.821.761
Công trường Bình Đề	15.615.000	-
Công trường Nước Trong	489.105.511	-
Công trường Sông Bung 4	57.774.937	-
Công trường Tà Rục	95.550.000	-
Công trường Thượng Kon Tum	111.755.144	-
Xây dựng nhà 11 Biên Cương	592.808.461	-
Các khoản phải thu khác	-	248.867.499
Cộng	5.661.596.239	1.379.501.845
6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	66.680.000.119	85.293.413.422
Công cụ, dụng cụ	863.732.232	1.644.916.104
Chi phí SX, KD dở dang	76.738.000.140	154.090.393.802
Hàng hóa	259.853.204	265.732.273
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	144.541.585.695	241.294.455.601
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	151.346.431	102.469.198
Cộng	151.346.431	102.469.198
8. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	3.485.805.715	4.857.744.714
Cộng	3.485.805.715	4.857.744.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	566.937.273	#REF!
Tăng trong năm	-	#REF!
Giảm trong năm	-	#REF!
Số dư cuối năm	566.937.273	#REF!
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	128.526.052	#REF!
Khấu hao trong năm	188.979.091	#REF!
Giảm trong năm	-	#REF!
Số dư cuối năm	317.505.143	#REF!
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	438.411.221	#REF!
Số dư cuối năm	249.432.130	#REF!
11. Chi phí XD CB dở dang	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Sửa chữa lớn khách sạn Hải Âu	10.336.097.363	7.881.122.879
Nhà 11 Biên Cương	676.258.211	-
Cộng	11.012.355.574	7.881.122.879
12. Đầu tư vào công ty con	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Du lịch Hầm Hồ	5.330.000.000	5.330.000.000
Cộng	5.330.000.000	5.330.000.000
13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	480.000.000	480.000.000
Công ty CP Thủy điện Định Bình	13.200.000.000	13.200.000.000
Cộng	13.680.000.000	13.680.000.000
14. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ khách sạn Hải Âu	-	3.955.268.835
Cộng	-	3.955.268.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

15. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.244.692.000	1.293.521.291
Ký quỹ XNK LD	1.000.000.000	1.000.000.000
Ký quỹ môi trường	244.692.000	293.521.291
Cộng	1.244.692.000	1.293.521.291
16. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định	474.995.828.870	216.727.304.621
Vay các đối tượng khác	392.486.931	240.849.942
Cộng	475.388.315.801	216.968.154.563
17. Phải trả người bán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Văn phòng Cty	148.367.926.986	162.481.857.028
Khách sạn Hải Âu	542.410.167	359.934.039
Xưởng sửa chữa	206.250.000	254.100.000
Công trường Bình Đề	95.985.000	-
Công trường Sa Lung	-	1.047.000
Công trường Đống Nai 4	33.010.301.523	31.225.786.052
Công trường sông Bung 5	483.321.875	-
Công trường Trà Co	-	55.680.000
Công trường Phước Hòa	-	101.505.600
Xây dựng nhà 11 Biên Cương	288.802.429	-
Cộng	182.994.997.980	194.479.909.739
18. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình Lòng Sông (đường)	570	570
Công ty xây dựng thủy lợi 24	127.880.000	127.880.000
Công trình Hà Nhe	1.240.000	1.240.000
Công trình Hồ Định Bình	1.304.033.076	-
Công trình Sông Trầu	43.547.180	43.547.180
Công trình Nước Trong	-	21.791.985.000
Công trình Tả Trạch	-	175.949.000
Công trình kênh Phước Hòa	-	-
Công trình Văn Phong	18.550.277.000	18.500.000.000
Công trình Tả Rục	-	5.400.000.000
Công trình Đambri	1.000.000.000	-
Công trình Sông Bung 5	-	-
Công trình Sông Bung 4A	3.657.021.148	-
Công trình Cây Ké	-	4.863.859.000
Cộng	24.683.998.974	50.904.460.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT	14.588.091.018	12.366.340.578
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.988.801.166	3.022.650.968
Thuế thu nhập cá nhân	-	53.340.270
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.257.344	2.559.442
Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác	(37.166.827)	(37.166.827)
Cộng	20.544.982.701	15.407.724.431
20. Chi phí phải trả	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình Đống Nai 4	10.231.301.906	-
Công trình Phước Hòa	3.718.017.300	6.040.015.640
Công trình Nước Trong	2.416.127.273	2.024.484.386
Công trình Tà Rục	440.441.000	688.596.049
Công trình Sa Lung	-	-
Công trình K Rông Buk	193.026.057	-
Công trình Sê Rê Pôk	443.853.736	-
Công trình Cây Ké	-	1.055.767.234
Công trình Văn Phong	1.406.899.027	-
Công trình Định Bình	3.445.953.466	-
Công trình Đam Bri	-	316.030.909
Công trình Trà Co	644.294.909	143.992.977
Cộng	22.939.914.674	10.268.887.195
21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	5.589.028.909	4.041.475.909
Bảo hiểm y tế	-	1
Phải trả về cổ phần hóa	1.151.237.824	1.159.900.010
Phải trả khác	5.015.728.648	6.801.479.482
Văn phòng cry	3.518.060.714	3.648.429.601
Khách sạn Hải Âu	5.403.624	-
Văn phòng cty (Dư Có TK 1388)	1.231.102.635	386.150
Công trường Văn phong	44.807.051	141.894.289
Công trường Nước trong	-	217.691.228
Công trường Sa Lung	-	1.544.961.750
Công trường A Lưới	-	105.117.051
Công trường Hồ Định Bình	-	1.135.352.083
Công trường Đống Nai 4	-	7.647.330
Công trường Hoa Sơn	49.758.500	-
Công trường Krông Buk	166.596.124	-
Cộng	11.755.995.381	12.002.855.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

22. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn	122.961.499.971	135.667.745.842
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	117.181.699.971	135.667.745.842
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD) - 296.400 US	5.779.800.000	-
Nợ dài hạn	182.497.000.000	172.237.369.764
Ban QLDA Thủy điện 6	-	30.609.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 6	86.000.000.000	94.498.290.000
Cty CP Thủy điện miền Trung	-	12.382.174.764
Công ty Xây dựng thủy lợi 49	-	6.497.905.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 9	10.000.000.000	22.850.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 7	30.000.000.000	5.400.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 1	28.800.000.000	-
Công ty CP TD Vinh Sơn Sông Hinh	27.697.000.000	-
Cộng	305.458.499.971	307.905.115.606

23. Vốn chủ sở hữu

23.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	13.842.850.000	13.842.850.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.157.150.000	25.907.150.000
Cộng	80.000.000.000	39.750.000.000

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	39.750.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	40.250.000.000	4.750.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	39.750.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.950.000.000	2.873.900.000

23.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.000.000	3.975.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

23.5 Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.022.441.693	5.868.299.085
Quỹ dự phòng tài chính	3.952.793.773	2.496.545.980
Cộng	15.975.235.466	8.364.845.065

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm nay VND	Năm trước VND
24. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	3.926.105.848	2.124.665.717
Doanh thu thi công xây lắp chính	1.480.726.503.654	749.793.984.451
Dịch vụ khách sạn du lịch	47.472.787.006	33.064.897.712
Doanh thu nhượng bán vật tư	36.375.668.467	18.491.848.626
Doanh thu cho thuê tài sản	679.083.356	864.069.326
Dịch vụ thí nghiệm	489.776.934	91.172.331
Doanh thu khác	5.673.529.061	1.648.134.486
Cộng	1.575.343.454.326	806.078.772.649
25. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt của khách sạn Hải Âu	42.132.170	78.461.537
Cộng	42.132.170	78.461.537
26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	3.926.105.848	2.124.665.717
Doanh thu thi công xây lắp chính	1.480.726.503.654	749.793.984.451
Dịch vụ khách sạn du lịch	47.430.654.836	32.986.436.175
Doanh thu nhượng bán vật tư	36.375.668.467	18.491.848.626
Doanh thu cho thuê tài sản	679.083.356	864.069.326
Dịch vụ thí nghiệm	489.776.934	91.172.331
Doanh thu khác	5.673.529.061	1.648.134.486
Cộng	1.575.301.322.156	806.000.311.112
27. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi góp vốn từ Cty CP Thủy điện Định Bình	3.300.000.000	3.046.494.000
Lãi góp vốn từ Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	-	65.293.322
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.624.834.691	691.168.801
Chênh lệch tỷ giá	-	2.443.570
Cộng	4.924.834.691	3.805.399.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

28. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	60.850.323.308	27.374.282.309
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng và tạm ứng các công	15.103.576.357	-
Chênh lệch tỷ giá	41.528.096	4.873.000
Cộng	75.995.427.761	27.379.155.309
29. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.796.189.000	5.457.921.000
Chi phí vật liệu quản lý	1.565.377.917	924.449.332
Chi phí đồ dùng văn phòng	251.170.626	456.321.518
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.800.000	194.800.000
Thuế, phí, lệ phí	4.445.631.143	1.700.275.768
Chi phí dự phòng	1.329.874.054	1.041.563.604
Chi phí bằng tiền khác	17.555.365.176	16.291.010.203
Cộng	31.138.407.916	26.066.341.425
30. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thu hồi công nợ đã xử lý	199.654.696	-
Thu tiền bảo hiểm xe	418.083.000	-
Xử lý tài sản thừa tại các công trình	577.624.828	671.002.386
Cộng	1.195.362.524	671.002.386
31. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	345.492.015	-
Cộng	345.492.015	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
(tiếp theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong gian đoạn từ 21/06/2010 đến 27/07/2010 theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số: 1305/NQ - ĐHĐCĐ ngày 20/11/2009 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 với số mới là: 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 02/08/2010.
Theo đó: Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng)**

2. Những thông tin khác

2.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.141.403.476	24.270.344.074
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	5.987.500	3.856.250
Lãi trên cổ phiếu	4.867	6.294

2.2 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn		
1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	67.70	62.80
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	32.30	37.20
1.2. Bộ trí cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	88.16	90.80
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	11.84	9.20
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	1.13	1.10
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1.07	1.10
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	0.04	0.14
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	2.40	3.39
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	1.85	3.01
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	3.06	2.98
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.37	2.65
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	36.43	61.06

2.3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế Toán Hà Nội. Số dư đầu kỳ đã được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
(tiếp theo)

2.4 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Công Ty Cổ phần Xây dựng 47

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Nguyễn Lương Am

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính
 cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2010

Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL.	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ					
1 Số dư đầu năm	56.679.565.582	282.219.712.249	110.171.674.543	10.746.231.140	459.817.183.514
2 Số tăng trong năm	-	85.069.574.329	31.332.064.723	708.850.412	117.110.489.464
- Mua sắm mới	-	85.069.574.329	31.332.064.723	708.850.412	117.110.489.464
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong năm	-	-	570.537.273	-	570.537.273
- Thanh lý	-	-	570.537.273	-	570.537.273
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4 Số cuối năm	56.679.565.582	367.289.286.578	140.933.291.993	11.455.081.552	576.357.135.705
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số đầu năm	8.769.261.714	107.728.649.890	31.003.421.906	3.637.317.854	151.138.651.364
2 Khấu hao trong năm	2.565.215.642	36.138.430.351	18.181.072.615	2.141.752.229	59.026.470.837
- Trích trong năm	2.565.215.642	36.138.430.351	18.181.072.615	2.141.752.229	59.026.470.837
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3 Giảm trong năm	-	-	225.045.258	-	225.045.258
- Thanh lý	-	-	225.045.258	-	225.045.258
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4 Số cuối năm	11.334.477.356	143.867.080.241	48.959.449.263	5.779.070.083	209.940.076.943
III Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	47.910.303.868	174.491.062.359	79.168.252.637	7.108.913.286	308.678.532.150
2 Tại ngày cuối năm	45.345.088.226	223.422.206.337	91.973.752.730	5.676.011.469	366.417.058.762

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Nam trước							
1. Số dư đầu năm	35.000.000.000	8.497.900.000	10.426.496.010	2.689.962.618	1.437.100.492	-	58.051.459.120
- Tang vốn trong năm trước	4.750.000.000	1.400.000.000	3.022.650.967	3.178.336.467	1.059.445.458	-	13.410.432.922
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	24.270.344.074	24.270.344.074
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	5.356.010.774	5.356.010.774
- Giảm khác	-	-	3.000.000.000	-	-	3.022.650.967	6.022.650.967
2. Số dư cuối năm	39.750.000.000	9.897.900.000	10.449.146.977	5.868.299.085	2.496.545.980	15.891.682.333	84.353.574.375
Nam nay							
1. Số dư đầu năm	39.750.000.000	9.897.900.000	10.449.146.977	5.868.299.085	2.496.545.980	15.891.682.333	84.353.574.375
- Tang vốn trong năm nay	40.250.000.000	13.569.750.000	-	-	-	-	53.819.750.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	29.141.403.476	29.141.403.476
- Trích lập các quỹ	-	-	-	6.154.142.608	1.456.247.793	-	7.610.390.401
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	19.950.000.000	19.950.000.000
- Giảm khác:							
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	9.083.085.809	9.083.085.809
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	6.154.142.608	6.154.142.608
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	1.456.247.793	1.456.247.793
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	1.456.247.793	1.456.247.793
2. Số dư cuối năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	12.022.441.693	3.952.793.773	16.447.615	145.892.032.443

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)